TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 415/2017/HNGĐ-ST Ngày: 22 - 9 - 2017 V/v tranh chấp "ly hôn và nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1) Bà Trịnh Thị Lan
2) Ông Nguyễn Đình Cải

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Phương – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Thanh H, sinh năm 1972
Địa chỉ cư trú: Số A, ngách B phố C, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.
2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1984
Địa chỉ cư trú: Số X phố Y, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định
3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1951
Địa chỉ cư trú: Số X phố Y, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định
(Tại phiên tòa, anh H có mặt; chị T có đơn xin xử vắng mặt, bà T vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện nộp ngày 20-6-2017, bản tự khai ngày 27-6-2017 và biên bản hoà giải ngày 29-8-2017, nguyên đơn là anh Mai Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Hồng T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01-2011 đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh và chị T không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống. Từ cuối năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh và chị T không đăng ký kết hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về nuôi con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Mai Xuân H, sinh ngày 16-5-2012. Hiện tại cháu H đang ở với mẹ. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 3.000.000 đồng/ tháng và nộp các khoản tiền liên quan đến việc học tập của cháu H cho đến khi cháu Hải đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung: Anh trình bày vợ chồng anh không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 22-8-2017 và biên bản hoà giải ngày 29-8-2017, bị đơn là chị Trần Thị Hồng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất như lời trình bày của anh H. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Chị thống nhất như lời trình bày của anh H.

- Về chia tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 21-8-2017 về mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị T, bà Phạm Thị T là mẹ đẻ của chị T trình bày:*

Anh H và chị T có thời gian chung sống với nhau từ khoảng đầu năm 2011 đến cuối năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách của H và T không hợp nhau. Từ cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách hai người không hợp nhau và đã sống ly thân. Việc giải quyết ly hôn giữa anh H và chị T, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: hai vợ chồng H và T có một con chung là Mai Xuân H – sinh ngày 16 tháng 5 năm 2012. Bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 99 và Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Tại phiên toà, thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị Tú. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh H và chị T: chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 3.000.000 đồng/ tháng và nộp tiền học tập của cháu Hải cho đến khi cháu Hải đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Trần Thị Hồng T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh H và chị T có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01-2011 nhưng từ thời gian đó đến nay anh H và chị T không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo qui định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh Hà có đơn đề nghị được ly hôn với chị Tú, căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T.

[3] *Về nuôi con chung:* Anh H và chị T có một con chung là cháu Mai Xuân H – sinh ngày 16 tháng 5 năm 2012. Mặc dù anh Hà và chị Tú không đăng ký kết hôn nhưng có con chung, nay anh H và chị T đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết việc nuôi con chung của anh H và chị T theo qui định của pháp luật.

Anh H và chị T tự nguyện thỏa thuận: Sau khi ly hôn, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 3.000.000 đồng/ tháng và nộp các khoản tiền liên quan đến việc học tập học của cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận của anh H và chị T là tự nguyện, không vi phạm đạo đức, phù hợp với qui định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con chung nên được ghi nhận theo quy định tại Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản chung:* Anh H và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Anh Mai Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Mai Thanh H và chị Trần Thị Hồng T.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh H và chị T: chị Trần Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Xuân H, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2012. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ tháng và nộp tất cả các khoản tiền liên quan đến việc học tập của cháu H cho đến khi cháu Hải đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Bên trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện để bên không trực tiếp nuôi con thực hiện đầy đủ tất cả các quyền và nghĩa vụ nêu trên, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên không trực tiếp nuôi con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại biên lai số 03629 ngày 23-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Anh Mai Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Anh Mai Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Các đương sự; -
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai Anh